

THAY THỂ NGAY LẬP TỨC CHO
ACETONE

NEUTRALÈNE[®] RG 30 GT

Điểm chớp cháy **36°C** trong hệ
kín

Tốc độ bay hơi **9** giây ở **20°C**

Lượng tiêu thụ giảm đi **4** lần



Recommendation EU 84/2017
GUARANTEED HC-FREE, MOSH/POSH-FREE, MOAH-FREE
Analysis report available on request
25/31938 DIN.EN 16 995 LG GC-FID

PHẠM VI SỬ DỤNG

Làm sạch con lăn, máy gỡ bọt và dụng cụ để thi công nhựa polyester và nhựa epoxy.

NEUTRALENE® RG 30 GT có tốc độ bay hơi được tối ưu hóa đảm bảo hoạt động hiệu quả, ngay cả trên các loại nhựa có tính phản ứng cao với thời gian tạo gel TECAM ngắn trong vài phút.

NHỰA UPR

Homopolyme béo PGA PLA PGL PCL PHA PHB

Chất đồng trùng hợp aliphatic PEA PBS

Chất đồng trùng hợp bán thơm FBT PTT PEN

Chất đồng phân tử thơm và chất đồng trùng hợp - polyacrylat

Vinylesters lai - polyeste - epoxit

CÁC KHÍA CẠNH KINH TẾ

Giảm tiêu thụ

NEUTRALENE® RG 30 GT a có áp suất hơi 1,2 kPa ở 20°C.

Acetone có áp suất hơi 24,7 kPa ở 20°C, lớn hơn 20 lần so với áp suất của NEUTRALENE RG 30 GT. Do đó, có thể dễ dàng suy ra từ điều này rằng mức tiêu thụ dung môi sẽ giảm đáng kể - khoảng 5 lần - tránh mọi tổn thất không cần thiết do bay hơi. Ai cũng biết rằng thường phải dùng acetone liên tục do tốc độ bay hơi gần như tức thời của nó.

Có thể tái chế, tái sử dụng

NEUTRALENE® RG 30 GT là một hỗn hợp đẳng phí, điểm chưng cất của nó là 150°C.

Dễ dàng phục hồi, chưng cất và tái sử dụng mà không làm mất đi các phẩm chất hóa lý của nó.

Điểm chưng cất có thể giảm khoảng 30% nếu sử dụng máy chưng cất chân không. Quá trình chưng cất sau đó được thực hiện hoàn toàn và cực kỳ nhanh chóng, ở 110°C.

CÁC ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC TIÊU BIỂU

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Vẻ bề ngoài	Thị giác	Trong suốt	-

Màu sắc	Thị giác	Không màu	-
Mùi	Khứu giác	Đặc tính	-
Mật độ ở 25°C	NF EN ISO 12185	0.941	kg/m ³
Chỉ số khúc xạ	ISO 5661	1,4015	-
Điểm đóng băng	ISO 3016	-50	°C
Đun sôi – Chưng cất	ISO 3405	120-150	°C
Áp suất hơi ở 20°C	ASTM D 5188 EN 13016.1.2.3	1,2	kPa
Độ hòa tan trong nước	-	Hòa tan	-
Độ nhớt động học ở 40°C	NF EN 3104	0,86	mm ² /s
Giá trị axit	EN 14104	<1	mg(KOH)/g
Giá trị i-ốt	NF EN 14111	0	gI ₂ /100g
Hàm lượng nước	NF ISO 6296	<0,1	%
Cặn sau khi bay hơi	NF T 30-084	0	%

ĐẶC ĐIỂM HIỆU SUẤT

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Chỉ số KB	ASTM D 1133	>150	-
Tốc độ bay hơi	-	9,00	phút
Sức căng bề mặt ở 20°C	ISO 6295	27,5	Dynes/cm
Ăn mòn lưới đồng 100h ở 40°C	ISO 2160	1a	Rating

ĐẶC TÍNH AN TOÀN CHÁY NỔ

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
----------	------------	---------	--------

Điểm chớp cháy (chân không)	NF EN 22719	36	°C
Điểm tự bốc cháy	ASTM E 659	>230	°C
Giới hạn nổ dưới	NF EN 1839	1,2	% (theo thể tích)
Giới hạn nổ trên	NF EN 1839	13,7	% (theo thể tích)
ĐẶC TÍNH ĐỘC TỐ			
ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
CMR, hàm lượng chất gây kích ứng và ăn mòn	Quy định CLP	0	%
Hàm lượng metanol dư từ quá trình đổi khác cấu trúc este	GC-MS	0	%
ĐẶC TÍNH MÔI TRƯỜNG			
ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Gây nguy hại cho nước	WGK Đức	1 Không gây nguy hiểm cho nước	loại
Khả năng phân hủy sinh học sơ cấp CEC 21 ngày ở 25°C	L 33 T82	>70	%
Dễ dàng phân hủy sinh học OECD 301 A trong 28 ngày Sự biến mất của COD	ISO 7827	>70	%
Khả năng phân hủy sinh học dễ dàng và dứt điểm OECD 301 D trên 28 ngày	MITI sửa đổi	72	

Thận trọng khi sử dụng: Sản phẩm được phân loại là dễ cháy, điểm chớp cháy dưới 60°C. Sản phẩm không chứa nguyên liệu

thô được phân loại là CMR, chất độc hại, gây kích ứng hoặc mất cảm. Tham khảo bảng dữ liệu an toàn. Đọc kỹ nhãn trên bao bì. Trong trường hợp bị phân mảnh, hãy chuyển phần này sang bao bì mới. Dùng nguyên chất, không pha với nước.

NEUTRALENE® RG 30 GT là dung môi và chất hòa tan nhựa mạnh; chúng tôi khuyên bạn nên thực hiện kiểm tra sơ bộ khi chuẩn bị bề mặt trên vật liệu nhựa hoặc chất đàn hồi.

GIỚI THIỆU

